

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 277/2024/DS-ST

Ngày 13 – 12 – 2024

V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 500/2024/TLST - DS ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2024/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm: 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Bào Ch, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Mã Văn L, sinh năm: 1970 (Có mặt).

Bà Trịnh Thị Nh, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hiệp Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Văn H trình bày:

Ông có chơi hụi do vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh làm chủ và đứng ra tổ chức thu tiền hụi viên. Trong quá trình tham gia chơi hụi, vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh tuyên bố bẻ hụi và còn nợ ông số tiền của dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), hụi khui vào ngày 20/3/2022 âm lịch, hụi gồm có 40 chung, mỗi tháng khui một lần vào ngày 20 hàng tháng, ông tham gia 02 chung, tiền huê hồng hụi là 1.500.000 đồng. Trong danh sách dây hụi trên với tên là 5 Hải ở vị trí thứ 15 và 16. Khi tham gia chơi hụi, ông đã đóng hụi đúng và đủ theo thoả thuận cho vợ chồng ông L, bà Nh.

Tuy nhiên, khi ông đóng hội được đến lần thứ 26 là ngày 20/4/2024 âm lịch vợ chồng ông L, bà Nh tuyên bố đình hội không rõ lý do và cũng không tính toán để hoàn trả lại cho ông số tiền nợ hội đã đóng và thực tế số tiền ông được hưởng là: 02 chung x 26 lần đóng x 3.000.000 đồng = 156.000.000 đồng (Một trăm năm sáu triệu đồng). Sau khi ông có đơn yêu cầu Chính quyền địa phương hòa giải thì giữa ông với ông L, bà Nh có thỏa thuận số tiền nợ hội nêu trên sau khi trừ đi hội chết 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng và số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thì số tiền hội còn nợ lại là 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng). Ông với vợ chồng ông L, bà Nh đã thỏa thuận thống nhất với số tiền nợ hội này và vợ chồng ông L, bà Nh có hứa sẽ thanh toán cho ông theo định kỳ hàng tháng với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay ông L, bà Nh vẫn không thanh toán cho ông số nợ trên, ông đã nhiều lần yêu cầu ông L, bà Nh trả nợ nhưng vẫn không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Mã Văn L và bà Trịnh Thị Nh thanh toán số tiền tổng cộng là 114.000.000 đồng (một trăm mười bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh phải thanh toán cho ông số tiền hội là 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng) sau khi đã trừ 3.000.000 đồng tiền huê hồng hội, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị Nh trình bày: Trước đây vợ chồng bà có tổ chức chơi hội do vợ chồng bà làm chủ hội, ông Mai Văn H là hội viên. Quá trình chơi hội do các hội viên khác hốt hội và không đóng tiền hội chết lại cho vợ chồng bà dẫn đến vợ chồng bà mất khả năng thanh toán nên vợ chồng bà có mời các hội viên đến và thông báo đình hội. Đối với đây hội này vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng). Theo bà Nh ông Mã Văn L bận đi làm nên không đi đến Tòa án được. Số tiền 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng) là chưa trừ tiền huê hồng hội, bà yêu cầu được đối trừ hai chung là 3.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu vợ chồng bà thanh toán cho ông H số tiền 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng) thì vợ chồng bà đồng ý.

Đối với ông Mã Văn L trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần cho ông Mã Văn L đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Luận vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hụi, ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp Hiệp Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Mã Văn L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Luận theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông H xác định chỉ yêu cầu vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh thanh toán số tiền hụi còn thiếu là 109.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Nguyên đơn xác định các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 109.000.000 đồng, đây là tổng số tiền hụi của 02 chung hụi trong 01 dây hụi do các bị đơn là chủ hụi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hụi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vợ chồng ông L, bà Nh tổ chức chơi hụi, mời các hụi viên cùng nhau góp vốn có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn bà Trịnh Thị Nh nên đây là sự thật được các bên thừa nhận nên nguyên đơn không cần phải chứng minh. Đối với ông L quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông L không đến Tòa cũng không gửi ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn bà Trịnh Thị Nh cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc các bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hụi là 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng) là phù hợp.

[5] Trong số tiền hụi nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hụi. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn không đặt ra yêu cầu điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán: Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần tiền hụi còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Mai Văn H.

Buộc vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh thanh toán cho ông Mai Văn H số tiền hội là 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày ông Mai Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị Nh phải chịu số tiền 5.450.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*, chưa nộp).

Ông Mai Văn H được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung